

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH
TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HC-ST

Ngày: 26-4-2022

V/v khiếu kiện Quyết định hành
chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tuấn Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hảo

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tính- Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm Công K vụ án thụ lý số 56/2021/TLST-HC ngày 09 tháng 11 năm 2021 về việc khiếu kiện Quyết định hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST-HC ngày 09 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1951.

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện D, tỉnh Tuyên Quang.

(Có mặt).

2. *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Địa chỉ: Phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thế G – Phó Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang.

(Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Hải T – Phó Chủ tịch.
(Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Tuyên Quang.

Địa chỉ: Thị trấn S, huyện D, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Giang Tuấn A – Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Hải T – Phó Chủ tịch.
(Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bà Ma Thị H, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện D, tỉnh Tuyên Quang.

(Có mặt).

- Ông Nông Đức N và bà Viên Thị H.

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện D, tỉnh Tuyên Quang.

(Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa ông Nguyễn Văn K trình bày:

Gia đình ông được Ủy ban nhân dân huyện D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BR 020588 ngày 28/6/2014, sổ vào sổ CH 00585; thửa đất số: 46, tờ bản đồ 88, diện tích: 5132,7 m², loại đất trồng cây lâu năm khác. Nguồn gốc sử dụng diện tích đất trên là do gia đình Ông K phá và sử dụng ổn định từ năm 1986 đến nay. Năm 2001, gia đình ông cho vợ chồng ông Nông Đức N, bà Viên Thị H là người cùng thôn mượn một phần diện tích để tăng gia, sản xuất. Năm 2017, vợ chồng ông biết được Ủy ban nhân dân huyện D đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BR020044, sổ vào sổ CH00044 cấp ngày 15/5/2014 cho hộ Ông Nông Đức N và bà Viên Thị H. Sau đó, ông đã làm đơn khiếu nại gửi UBND xã T nhưng không được giải quyết. Ông tiếp tục khiếu nại tới Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện D, kèm theo đơn khiếu nại là đơn xin xác nhận của các hộ liền kề, những hộ sinh sống lâu năm trong Thôn B biết về nguồn gốc đất trên và xác nhận của ông Nguyễn Công Đ, nguyên trưởng Thôn B từ năm 1986 đến năm 1991.

Ngày 23/3/2018, Ủy ban nhân dân xã T tổ chức họp dân tại Nhà văn hóa Thôn B. Tại cuộc họp các hộ đều xác nhận nguồn gốc đất đang tranh chấp với ông Nông Đức N, bà Viên Thị H là do gia đình Ông K phá từ năm 1986, không

có tranh chấp. Ông Nông Đức N cũng thừa nhận đã mượn đất của gia đình ông để canh tác từ năm 2001.

Ngày 29/6/2018, Ủy ban nhân dân huyện D ban hành Quyết định số 243/QĐ-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR020044 số vào sổ CH00044 cấp ngày 15/5/2014 cấp cho hộ ông Nông Đức N, bà Viên Thị H nhưng trong nội dung của Quyết định này có ghi: “*Sau khi thu hồi Ủy ban nhân dân huyện D lại giao diện tích đất này cho UBND xã T quản lý*” là không đúng pháp luật, vì thửa đất này đang thuộc quyền sử dụng của gia đình ông theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BR020588 ngày 28/6/2014, số vào sổ CH00585, thửa đất số 46, tờ bản đồ 88, diện tích 5132.7 m², loại đất trồng cây lâu năm khác.

Ông đã làm đơn khiếu nại tới Ủy ban nhân dân huyện D khiếu nại về việc Ủy ban nhân dân huyện D ban hành Quyết định số 243/QĐ-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR020044, số vào sổ CH00044 cấp ngày 15/5/2014 cấp cho hộ ông Nông Đức N, bà Viên Thị H nhưng lại giao phần diện tích đất này cho Ủy ban nhân dân xã T quản lý và khiếu nại làm rõ trách nhiệm của cá nhân, tổ chức trong việc tham mưu để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trái pháp luật cho hộ gia đình ông Nông Đức N, bà Viên Thị H nhưng chưa được xem xét giải quyết.

Ngày 7/6/2019, Ủy ban nhân dân huyện D ban hành Quyết định số 221/QĐ-UBND thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR020588 ngày 28/6/2014, số vào sổ CH00585; thửa đất số 46, tờ bản đồ 88, diện tích: 5132,7m² loại đất trồng cây lâu năm khác đã cấp cho gia đình ông với lý do thu hồi: *Tại thửa đất số 46, tờ bản đồ số 88, diện tích 5132,7 m², loại đất trồng cây lâu năm khác đã cấp cho hộ ông Nguyễn Văn K, Bà Ma Thị H trú tại Thôn B, xã T ngày 28/6/2014 của diện tích đất 2.386,7 m² là đất mái tả luy quốc lộ 2C và đất mái tả luy bờ sông Phó Đáy do UBND xã T quản lý.*

Gia đình ông làm đơn khiếu nại Quyết định về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 221/QĐ-UBND ngày 07/6/2019 của UBND huyện D và thông báo về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 29/TB-CNVPĐK ngày 14/6/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện D với các căn cứ sau:

Về trình tự thủ tục xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BR020588 ngày 28/6/2014, số vào sổ CH00585; thửa đất số 46, tờ bản đồ 88, diện tích 5132,7m², loại đất trồng cây

lâu năm khác đã cấp cho gia đình ông là đúng quy định của Luật Đất đai năm 2013.

Tại Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 07/6/2019 của UBND huyện D ghi căn cứ thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông là trong tổng diện tích đất được cấp 5132,7 m² có diện tích đất 2.386,7 m² là đất mái tả luy quốc lộ 2C và đất mái tả luy bờ sông Phó Đáy do UBND xã T quản lý là không đúng, vì phần diện tích đất này gia đình ông đã sử dụng từ năm 1986 cho đến nay, nộp thuế đầy đủ cho nhà nước. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện D ban hành Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 07/6/2019 thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông là trái pháp luật, xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của gia đình ông.

Ủy ban nhân dân huyện D ban hành Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 07/6/2019 không ghi nội dung: *Công dân có quyền khiếu nại quyết định này tới cơ quan có thẩm quyền để giải quyết khiếu nại lần 2 hoặc quyền khởi kiện vụ án hành chính tới Tòa án nhân dân có thẩm quyền là không đúng nội dung của một quyết định hành chính.*

Như vậy, Ủy ban nhân dân huyện D ban hành Quyết định về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 221/QĐ-UBND ngày 07/6/2019 và thông báo về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 29/TB-CNVPĐK ngày 14/6/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện D là trái pháp luật, xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của gia đình ông.

Ngày 12/12/2019, ông nhận được Quyết định giải quyết khiếu nại số 6876/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 của Chủ tịch UBND huyện D với nội dung: “Giữ nguyên nội dung Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 07/6/2019 của Ủy ban nhân dân huyện D về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn K và Bà Ma Thị H, Thôn B, xã T, huyện D, tỉnh Tuyên Quang”. Với những căn cứ: Phần diện tích đất 2.386,7 m² thuộc thửa đất số 46, tờ bản đồ 88 (đo đạc địa chính năm 2012) thực tế đây là diện tích đất mái tả luy đường quốc lộ 2C và mái tả luy bờ sông Phó Đáy, đồng thời là đất trồng cây ven lộ là không đúng.

Kết quả xác minh 06 hộ gia đình cùng dải đất, trong đó có 05 hộ gia đình được cấp GCNQSDĐ, 01 hộ gia đình chưa được cấp GCNQSDĐ gồm các hộ: Ma Văn T; Ma Văn N; Long Văn H; Hoàng Đình T; Nguyễn Quốc K; Ma Văn K, đất của 06 hộ gia đình trên không phải đất tả luy mà là đất bằng và một phần đất thuộc hành lang bảo vệ đường bộ, không có cây trồng theo dự án trồng ven lộ, như vậy việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 05 hộ gia đình là đúng quy định.

Diện tích đất 2.386,7 m² thuộc thửa đất số 46, tờ bản đồ 88 của gia đình ông không phải là đất tả luy, trên đất không có dự án trồng cây ven lộ, toàn bộ cây hiện nay trên đất là do gia đình ông trồng. Như vậy, quá trình các cơ quan

chuyên môn của huyện D xác minh tại thực địa là không đúng với hiện trạng đất của gia đình ông, diện tích đất của gia đình ông cùng nằm trên dải đất và giáp ranh với 06 hộ gia đình Ma Văn T; Ma Văn N; Long Văn H; Hoàng Đình T; Nguyễn Quốc K; Ma Văn K.

Không đồng ý với Quyết định số 6876/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D nên ông đã khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang. Ngày 02/8/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Quyết định về việc giải quyết khiếu nại số 1062/QĐ-CT của với nội dung: *Công nhận và giữ nguyên Quyết định số 6876/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn K, Thôn B, xã T, huyện D.*

Sau khi nhận được Quyết định số 1062/QĐ-CT ngày 02/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang, ông thấy rằng Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Quyết định số 1062/QĐ-CT ngày 02/8/2021 là không đúng xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông nên ông đã khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang và đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu sau: Đề nghị Tòa án tuyên hủy:

- Quyết định số 1062/QĐ-CT ngày 02/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn K, Thôn B, xã T, huyện D, tỉnh Tuyên Quang.

- Quyết định số 6876/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 của Chủ tịch UBND huyện D, tỉnh Tuyên Quang về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn K, Thôn B, xã T, huyện D, tỉnh Tuyên Quang.

- Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 07/6/2019 của UBND huyện D về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Người bị kiện - Đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang trình bày:

Khiếu nại của ông Nguyễn Văn K đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết, nội dung chính như sau: Việc Ủy ban nhân dân huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR020588 ngày 28/6/2014, diện tích 5.132,7 m², mục đích đất trồng cây lâu năm khác, cho hộ ông Nguyễn Văn K là sai quy định. Việc Ủy ban nhân dân huyện D ban hành Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 7/6/2019 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn K và Bà Ma Thị H là đúng quy định của pháp luật. Việc Chủ tịch UBND huyện D ban hành Quyết định số 6876/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông Nguyễn Văn K, Thôn B, xã T, huyện D (khiếu nại lần đầu) là đúng quy định của pháp luật. Việc ông Nguyễn Văn K khiếu nại Quyết định số 6876/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D là khiếu nại sai.

Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang, gồm các nội dung chính sau: Công nhận và giữ nguyên Quyết định số

6876/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 của Chủ tịch UBND huyện D về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn K, trú tại Thôn B, xã T, huyện D. Yêu cầu ông Nguyễn Văn K nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định số 6876/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 của Chủ tịch UBND huyện D. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường công bố, cÔng K và giao quyết định này cho ông Nguyễn Văn K theo quy định tại Điều 29, Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại.

Căn cứ các quy định của pháp luật về hồ sơ giải quyết vụ việc, khẳng định: Việc ban hành quyết định giải quyết khiếu nại đối với ông Nguyễn Văn K, trú tại Thôn B, xã T, huyện D (lần 1) của Chủ tịch UBND huyện D là đúng quy định. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang giữ nguyên các nội dung đã giải quyết khiếu nại đối với ông Nguyễn Văn K, trú tại Thôn B, xã T, huyện D (lần 2) tại Quyết định số 1062/QĐ-CT ngày 02/8/2021.

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh xem xét giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân tỉnh không có yêu cầu độc lập khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chủ tịch và UBND huyện D, tỉnh Tuyên Quang trình bày:

Ngày 28/6/2014, Ủy ban nhân dân huyện D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR020588, diện tích 5.132,7 m², thửa đất số 46, tờ bản đồ đại chính số 88, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm khác cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn K, trú tại Thôn B, xã T, huyện D. Cũng trong thời điểm này, Ủy ban nhân dân huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 45, tờ bản đồ số 88, diện tích 320,4m² đất trồng cây lâu năm khác cho hộ Ông Nông Đức N(*thửa đất tiếp giáp với đất đã cấp cho hộ ông Nguyễn Văn K*). Năm 2017, xảy ra tranh chấp giữa ông Nguyễn Văn K và ông Nông Đức N. Ông K cho rằng thửa đất số 45, tờ bản đồ số 88 mà ông N được cấp Giấy chứng nhận là do Ông K cho mượn và đề nghị Nhà nước xem xét việc gia đình ông N đã tự ý kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trùng lên giấy chứng nhận của gia đình ông.

Ngày 06/02/2018, Phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Chi nhánh Văn Phòng đăng ký đất đai huyện D, Ủy ban nhân dân xã T kiểm tra, xác minh nội dung đơn đề nghị của ông Nguyễn Văn K. Căn cứ kết quả kiểm tra, xác minh việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn K và ông Nông Đức N, Phòng Tài nguyên và Môi trường đã có Báo cáo số 70/BC-TNMT ngày 15/5/2018 đề xuất Ủy ban nhân dân huyện thu hồi 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gồm:

+ Giấy chứng nhận số BR020588 ngày 28/6/2014, diện tích 5.132,7m², mục đích đất trồng cây lâu năm khác, cấp cho hộ ông Nguyễn Văn K, với lý do: Trong diện tích 5.132,7m² đất đã cấp Giấy chứng nhận có 2.386,7 m² là đất mái

tả luy Quốc lộ 2C và đất mai tả luy bờ sông Phó Đáy, do Ủy ban nhân dân xã T quản lý.

+ Giấy chứng nhận số BR020044 ngày 15/5/2014, diện tích 320,5m², mục đích đất trồng cây lâu năm khác, cấp cho hộ ông Nông Đức N, với lý do: Diện tích 320,5m² đất đã cấp Giấy chứng nhận là đất sông suối (taluy sông Phó Đáy), do Ủy ban nhân dân xã T quản lý.

Ngày 29/6/2018, Ủy ban nhân dân huyện D ban hành Quyết định số 234/QĐ-UBND thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp cho hộ ông Nông Đức N, ông N đã nộp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cơ quan Nhà nước và đến nay không có ý kiến gì khác.

Ngày 07/6/2019, Ủy ban nhân dân huyện D ban hành Quyết định số 221/QĐ-UBND thu hồi giấy chứng nhận đã cấp cho hộ ông Nguyễn Văn K và Bà Ma Thị H, Thôn B, xã T, huyện D, với lý do là đất mái tả luy Quốc lộ 2C và đất mái tả luy ở sông Phó Đáy do Ủy ban nhân dân xã T quản lý.

Ngày 10/7/2019, ông Nguyễn Văn K có đơn khiếu nại (lần đầu) gửi UBND huyện, khiếu nại Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 07/6/2019 của Ủy ban nhân dân huyện D về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông.

* Kết quả giải quyết của Chủ tịch UBND huyện D:

Ngày 31/7/2019, Ủy ban nhân dân huyện D ban hành Quyết định số 4420/QĐ-UBND về việc xác minh nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Văn K và Bà Ma Thị H, Thôn B, xã T.

Ngày 11/12/2019, Chủ tịch UBND huyện D ban hành Quyết định số 6876/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn K và Bà Ma Thị H, Thôn B, xã T, xác minh: *Phần diện tích 2.386,7 m² nằm trong tổng diện tích 5.132,7 m² thuộc thửa đất số 46, tờ bản đồ số 88 (đo đạc địa chính năm 2012). Diện tích đất này hiện nay là đất mái tả luy đường Quốc lộ 2C và mái tả luy bờ sông Phó Đáy đồng thời thuộc diện tích đất trồng cây ven lộ do UBND xã T quản lý (không đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 100, Điều 101 Luật Đất đai 2013). Khi họp xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông bà Khai (Hợp), UBND xã T đã không thẩm định kỹ ngoài thực địa nên đã trình UBND huyện ký xét cấp toàn bộ diện tích đất trên cho gia đình ông bà Nguyễn Văn K (vợ là Bà Ma Thị H) là chưa đúng quy định.*

Ông Nguyễn Văn K và Bà Ma Thị H không nhất trí giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện D, tiếp tục làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang (đơn đề ngày 18/02/2020).

* Kết quả giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang:

Ngày 02/8/2021, Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang ban hành Quyết định số 1062/QĐ-CT về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của ông Nguyễn Văn K, trú tại Thôn B, xã T với nội dung: “Công nhận và giữ nguyên Quyết định số 6876/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 của Chủ tịch UBND huyện D về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn K, Thôn B, xã T, huyện D. Yêu cầu ông Nguyễn Văn K nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định số 6876/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 của Chủ tịch UBND huyện D”.

Chủ tịch UBND huyện D giữ nguyên quan điểm việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn K, trú tại Thôn B, xã T, huyện D, tỉnh Tuyên Quang đảm bảo đúng quy định của pháp luật; nhất trí với quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang. Không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn K. Không có yêu cầu độc lập.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Nông Đức N và bà Viên Thị H:

Ông Nông Đức N trình bày: Năm 2018, UBND huyện D có xem xét việc khởi kiện gia đình ông của hộ ông Nguyễn Văn K về việc tranh chấp đất canh tác. UBND huyện D có thu hồi diện tích đất tại thửa đất số 45, tờ bản đồ 88, diện tích 320,5m² mà gia đình ông đã sử dụng khai phá từ năm 2002. Thực hiện theo văn bản của UBND huyện gia đình ông đã trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho UBND xã T vào tháng 9/2018. Từ đó đến nay gia đình ông không sử dụng diện tích đất trên. Ông không có ý kiến gì đối với đơn kiện của ông Nguyễn Văn K và Bà Ma Thị H. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xem xét không đưa gia đình ông vào là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Gia đình ông đã thực hiện việc trả lại diện tích đất cho nhà nước quản lý theo quy định của pháp luật. Bà Viên Thị H nhất trí các nội dung trình bày của ông Nông Đức N.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng các bên đương sự đối thoại không thành. Hôm nay, Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án hành chính để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị:

- Tuyên hủy Quyết định số 1062/QĐ-CT ngày 02/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn K, Thôn B, xã T, huyện D, tỉnh Tuyên Quang.

- Tuyên hủy Quyết định số 6876/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 của Chủ tịch UBND huyện D, tỉnh Tuyên Quang về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn K, Thôn B, xã T, huyện D, tỉnh Tuyên Quang.

- Tuyên hủy Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 07/6/2019 của UBND huyện D về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện D, Chủ tịch UBND huyện D vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến như đã trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Ma Thị H có mặt tại phiên tòa nhất trí yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K vì gia đình bà đã sử dụng đất từ năm 1986 đến khi có quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện D, gia đình bà sử dụng đất ổn định không có tranh chấp với ai. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông K và không có yêu cầu độc lập.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính. Người khởi kiện, người bị kiện và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn K là hợp lệ, đúng thời hạn, thời hiệu theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, qua quá trình xét hỏi, tranh luận của các bên đương sự tại phiên tòa. Viện kiểm sát thấy yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K là không có căn cứ chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K về việc yêu cầu:

- Tuyên hủy Quyết định số 1062/QĐ-CT ngày 02/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn K, Thôn B, xã T, huyện D, tỉnh Tuyên Quang.

- Tuyên hủy Quyết định số 6876/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 của Chủ tịch UBND huyện D, tỉnh Tuyên Quang về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn K, Thôn B, xã T, huyện D, tỉnh Tuyên Quang.

- Tuyên hủy Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 07/6/2019 của UBND huyện D về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về án phí: Ông K là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các đương sự và những người tham gia tố tụng; Hội đồng xét xử sơ thẩm hành chính thấy:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Ngày 02/8/2021, Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang ban hành Quyết định số 1062/QĐ-CT ngày 02/8/2021 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn K, Thôn B, xã T, huyện D, tỉnh Tuyên Quang. Ngày 10/9/2021, ông Nguyễn Văn K được nhận quyết định Quyết định số 1062/QĐ-CT ngày 02/8/2021.

Ngày 12/10/2021, ông Nguyễn Văn K đã nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang yêu cầu hủy Quyết định số 1062/QĐ-CT ngày 02/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang và 02 quyết định hành chính liên quan là Quyết định số 6876/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 của Chủ tịch UBND huyện D, tỉnh Tuyên Quang về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn K, Thôn B, xã T, huyện D, tỉnh Tuyên Quang và Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 07/6/2019 của UBND huyện D về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là trong thời hiệu khởi kiện đúng với quy định theo khoản 3 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án hành chính là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[2] **Về nội dung vụ án:**

2.1. *Xét tính hợp pháp và có căn cứ về hình thức, nội dung Quyết định số 1062/QĐ-CT ngày 02/8/2021, Quyết định số 6876/QĐ-UBND, Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 07/6/2019:*

Căn cứ lời khai của các đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy:

Theo bản đồ giải thửa 299 được đo đạc năm 1993 thửa đất số 208, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.000m², loại đất ruộng màu đã được UBND huyện D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1997 cho ông Nguyễn Văn K và Bà Ma Thị H, trú tại Thôn B, xã T, huyện D, tỉnh Tuyên Quang. Năm 2012, do đo đạc lại bản đồ địa chính diện tích 1.000m², thửa đất trên là thửa số 208, tờ bản đồ số 12 được đo gộp vào thửa đất số 46, tờ bản đồ số 88 (đo đạc địa chính năm 2012) nên tăng thêm 4.132,7m² so với diện tích năm 1997 nên ngày 28/6/2014, Ủy ban nhân dân huyện D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR020588, số vào sổ CH00585 diện tích 5.132,7 m², thửa đất số 46, tờ bản đồ số 88, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm khác cho hộ ông Nguyễn Văn K và Bà Ma Thị H, địa chỉ Thôn B, xã T, huyện D, tỉnh Tuyên Quang.

Ngày 07/6/2019, UBND huyện D ban hành Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 07/6/2019 thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR020588, số vào sổ CH00585, cấp cho hộ ông Nguyễn Văn K và Bà Ma Thị H, địa chỉ Thôn B, xã T, huyện D, tỉnh Tuyên Quang với lý do “... có diện tích 2.386,7m² là đất mái taluy Quốc lộ 2C và đất mái taluy ở sông Phó Đáy do UBND xã T quản lý”.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 30/3/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xác định “*thửa đất số 46, diện tích 5.132,7 m² tại Thôn B, xã T, huyện D, tỉnh Tuyên Quang một bên giáp đường quốc lộ 2C, hướng S đi Tân Trào (hướng Tây Bắc), phía Đông Nam giáp sông Phó Đáy trên đất có cây muồng (trồng theo dự án cây ven lộ) do Ông K trồng theo dự án (có được chi trả tiền khi trồng cây). Đi từ hướng S vào Tân Trào, diện tích đất đang bị thu hồi theo quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 07/6/2019 có một mặt giáp đường Quốc lộ 2C, một mặt giáp sông Phó Đáy. Khoảng cách tính từ điểm giáp Quốc lộ 2C đến điểm bắt đầu độ dốc là 10,5m (phần diện tích đất này được gia đình Ông K đổ đất), từ điểm bắt đầu độ dốc hướng đến sông có độ dốc lớn, dựng đứng từ đỉnh dốc đến chân dốc là 22m, từ chân dốc đến mép nước (tại thời điểm này) là 6m. Trên đất có cây muồng Ông K trồng theo dự án ven lộ”.*

Như vậy, đủ cơ sở khẳng định một phần diện tích đất tại thửa đất số 46, tờ bản đồ số 88 của ông Nguyễn Văn K và Bà Ma Thị H là đất mái taluy Quốc lộ 2C và đất mái taluy ở sông Phó Đáy thuộc hành lang bảo vệ đường bộ.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013 quy định về việc đình chính, thu hồi giấy chứng nhận đã cấp: “*Giấy chứng nhận đã cấp không đúng thẩm quyền, không đúng đối tượng sử dụng đất, không đúng diện tích đất, không đủ điều kiện được cấp, không đúng mục đích sử dụng đất hoặc thời hạn sử dụng đất hoặc nguồn gốc sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai, trừ trường hợp người được cấp Giấy chứng nhận đó đã thực hiện chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật đất đai.*”

Và tại khoản 56 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định ... “*b) Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất phát hiện Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật về đất đai thì kiểm tra lại, thông báo cho người sử dụng đất biết rõ lý do và quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định;*”.

Như vậy, UBND huyện D ban hành Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 07/6/2019 thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Văn K và Bà Ma Thị H, địa chỉ Thôn B, xã T, huyện D, tỉnh Tuyên Quang để thực hiện cấp lại theo quy định là đúng quy định của pháp luật.

Sau khi thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Ông K đã khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện D. Ngày 11/12/2019, Chủ tịch UBND huyện D ban hành Quyết định số 6876/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn K giữ nguyên quyết định số Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 07/6/2019 của UBND huyện D và ngày 02/8/2021, Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang ban hành Quyết định số 1062/QĐ-CT về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của ông Nguyễn Văn K với nội dung: “*Công nhận và giữ nguyên Quyết định số 6876/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 của Chủ tịch UBND huyện D về việc*

giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn K, Thôn B, xã T, huyện D” là đúng quy định của pháp luật.

Như vậy, về hình thức, nội dung của Quyết định số 1062/QĐ-CT ngày 02/8/2021, Quyết định số 6876/QĐ-UBND, Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 07/6/2019 là đúng quy định tại Điều 106 Luật Đất đai năm 2013 và khoản 56 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ.

2.2. Xét về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 1062/QĐ-CT ngày 02/8/2021, Quyết định số 6876/QĐ-UBND, Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 07/6/2019:

* Về thẩm quyền, thời hạn và thời hiệu ban hành quyết định: Ngày 07/6/2019, UBND huyện D ban hành Quyết định số 221/QĐ-UBND thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Văn K và Bà Ma Thị H, địa chỉ Thôn B, xã T, huyện D, tỉnh Tuyên Quang đúng thẩm quyền theo quy định Điều 106 Luật Đất đai năm 2013 và khoản 56 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ.

Ngày 07/6/2019, ông Nguyễn Văn K được nhận quyết định số 221/QĐ-UBND của UBND huyện D. Ngày 15/7/2019, ông Nguyễn Văn K có đơn khiếu nại (lần đầu) khiếu nại đối với Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 07/6/2019 của UBND huyện D. Ngày 11/12/2019, Chủ tịch UBND huyện D ban hành Quyết định số 6876/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn K là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011. Tuy nhiên Chủ tịch UBND huyện D ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu chưa đúng quy định tại Điều 28 Luật Khiếu nại năm 2011.

Ngày 21/02/2020, ông Nguyễn Văn K tiếp tục làm đơn khiếu nại lần 2 đến Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang là trong thời hạn, đúng quy định tại Điều 33 Luật Khiếu nại năm 2011.

Ngày 02/8/2021, Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang ban hành Quyết định số 1062/QĐ-CT về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của ông Nguyễn Văn K là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011. Tuy nhiên, Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 chưa đúng thời hạn theo quy định tại Điều 37 Luật Khiếu nại năm 2011.

* Về trình tự, thủ tục ban hành: Hội đồng xét xử thấy: Về trình tự, thủ tục khi UBND huyện D thu hồi GCNQSDĐ đất của Ông K để cấp lại theo quy định, Chủ tịch UBND huyện D ban hành quyết định Quyết định số 6876/QĐ-UBND và Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang ban Quyết định số 1062/QĐ-CT đúng quy định theo Luật Đất đai năm 2013; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 Quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai và Luật Khiếu nại năm 2011.

Đối với ý kiến của Ông K cho rằng có 05 hộ dân cũng được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như gia đình ông nhưng không bị thu hồi. HĐXX thấy rằng trong Quyết định số 1062/QĐ-CT ngày 02/8/2021, Quyết định số 6876/QĐ-UBND, Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 07/6/2019 không giải

quyết những vấn đề liên quan đến 05 hộ dân nên HĐXX không xem xét. Đồng thời, UBND huyện D cũng đã có ý kiến sẽ xem xét theo phản ánh của ông K, nếu việc cấp Giấy CNQSD đất cho các hộ không đúng thì UBND huyện D sẽ giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với ý kiến Ông K cho rằng đất của ông N, bà H là của gia đình ông, Hội đồng xét xử thấy rằng UBND huyện D thu hồi giấy CNQSD đất của Ông K vì phát hiện “...có diện tích 2.386,7m² là đất mái taluy Quốc lộ 2C và đất mái taluy ở sông Phó Đáy do UBND xã T quản lý”, đồng thời hướng dẫn Ông K thực hiện thủ tục cấp lại giấy CNQSD đất theo quy định, UBND huyện D không giải quyết tranh chấp đất đai giữa Ông K và ông N, bà H nên HĐXX không xem xét.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy Quyết định số 1062/QĐ-CT ngày 02/8/2021, Quyết định số 6876/QĐ-UBND, Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 07/6/2019 ban hành đã đúng nội dung, trình tự, thủ tục ban hành quyết định. Tuy có việc chậm ban hành quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện D và của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang nhưng không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông K, không làm thay đổi nội dung vụ án. Vì vậy, cần bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là đúng quy định của pháp luật.

Về án phí: Áp dụng Điều 344, Điều 345, Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính, điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Nguyễn Văn K là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 29; Điều 30; Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193; điểm a khoản 3 Điều 116; Điều 191; Điều 194, Điều 206, Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ vào các Điều 106 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 Quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai số 45/2013/QH13.

Căn cứ khoản 56 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K về việc:

- Tuyên hủy Quyết định số 1062/QĐ-CT ngày 02/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn K, Thôn B, xã T, huyện D, tỉnh Tuyên Quang.

- Tuyên hủy Quyết định số 6876/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 của Chủ tịch UBND huyện D, tỉnh Tuyên Quang về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn K, Thôn B, xã T, huyện D, tỉnh Tuyên Quang.

- Tuyên hủy Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 07/6/2019 của UBND huyện D về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn K là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính sơ thẩm theo quy định.

3. Về quyền kháng cáo: Người khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- UBND tỉnh Tuyên Quang;
- Cục THA dân sự tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Tuấn Tú